

Số: 256/2022/QĐST-HNGĐ

H, ngày 6 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 340/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1991;

Địa chỉ: tổ 48B1, khu 4A, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Bị đơn: Anh Vũ Mạnh Tr, sinh năm 1989;

Địa chỉ: tổ 48B1, khu 4A, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57; các khoản 1 và 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 8 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Vũ Mạnh Tr.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Vũ Mạnh Tr có 02 con chung là Vũ Công D1, sinh ngày 8-4-2010 và Vũ Đức D2, sinh ngày 26-5-2015. Hiện nay 02 cháu D1 và D2 có sức khỏe bình thường. Ly hôn, chị T và anh Tr thỏa thuận giao 02 con chung là Vũ Công D1, sinh ngày 8-4-2010 và Vũ Đức D2, sinh ngày 26-5-2015 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh Tr phải cấp

đường nuôi con chung. Anh Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị T và anh Vũ Mạnh Tr thỏa thuận chị T và anh Tr không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Trần Thị T và anh Vũ Mạnh Tr thỏa thuận chị T có nghĩa vụ nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Trần Thị T đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000946 ngày 03-8-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, chị T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP H;
- UBND phường Tr, TP M, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Tố Nga